

TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN CÂY LÚA CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHƠ-ME

NGUYỄN THỊ QUẾ LOAN

Các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me gồm 21 dân tộc với dân số khoảng trên 2 triệu người, cư trú rải rác ở khu vực phía Tây và Tây Nam của lãnh thổ Việt Nam ngày nay. Tộc người Mảng sống rải rác từ vùng ngã ba biên giới Tây Bắc Bắc Bộ; xen cư với người Thái ở Sơn La, Lai Châu và miền Tây Nghệ An gồm các tộc người Khơ-mú, Kháng, Xinh-mun, Ô-đu; men theo dọc dải Trường Sơn có các tộc Bru - Vân Kiều, Cơ-tu, Tà-ôi, Co, Hrê; tỏa khắp các cao nguyên miền Tây là các tộc Giê-Triêng, Ba-na, Xơ-đăng, Brâu, Rơ-măm; phía Nam là nơi cư trú của các tộc Mnông, Mạ, Cơ-ho; miền châu thổ sông Cửu Long có tộc người Khơ-me, miền núi thấp ở Đông Nam Bộ có các tộc Xtiêng, Chơ-ro (Chu Thái Sơn, 2005).

Cho đến nay, nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me đã được nhiều học giả xem xét, dưới những góc độ như kinh tế, xã hội và văn hóa, trong đó có đề cập đến một số khía cạnh liên quan đến canh tác nông nghiệp (Bé Viêt Đăng, 1982; Viện Dân tộc học, 1984; Nguyễn Quốc Lộc, 1984; Ngô Đức Thịnh, 1993; Nguyễn Văn Huy, 1997; Nguyễn Minh San, 1998; Nguyễn Xuân Hồng, 1998; Khổng Diển, 1999; Trần Bình, 1999; Phạm Văn Dương, 1999; Rơ Chăm Oanh, 2002; Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng, 2003...). Trong

bài viết này, việc xem xét tín ngưỡng liên quan đến cây lúa của một số tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me được thực hiện chủ yếu qua tổng quan những công trình nêu trên.

Tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp nói chung và liên quan đến cây lúa nói riêng của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me ra đời cùng với quá trình khai phá đất đai và chinh phục thiên nhiên. Là những cư dân lấy hoạt động kinh tế nông nghiệp - một hoạt động phụ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên là nghề kiếm sống chính, các cư dân ngôn ngữ Môn - Khơ-me sớm gắn bó với thời tiết, trời đất, đối diện với những điều tốt lành và cả những bất trắc của thiên nhiên. Do đó, đã xuất hiện ý niệm về đối tượng siêu nhiên nào đó có thể chi phối được thiên nhiên, mùa màng cũng như cuộc sống của họ. Đây chính là cơ sở để hình thành nên những tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp. Theo chiều dài của hàng ngàn năm lịch sử, các tín ngưỡng này không còn tính nguyên sơ ban đầu mà đã có những đổi thay. Mặc dù vậy, sức sống, vai trò và sự lan tỏa mạnh mẽ của nó trong cộng đồng thì vẫn trường tồn cùng năm tháng. Để góp phần tìm hiểu về mối quan hệ giữa con người trong cộng đồng, con người với thiên nhiên qua các nghi thức liên quan đến cây lúa, nghiên cứu này sẽ tập trung tìm hiểu qua 5 tộc

người, đó là Ba-na, Khơ-mú, Mnông, Mảng và Mạ.

1. Quan niệm về hồn lúa, mẹ lúa và nghi lễ cúng hồn lúa

Trong xã hội truyền thống, các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me sống chủ yếu bằng kinh tế nương rẫy với cách thức phát đốt, chọc lỗ, tra hạt. Do đó, nương rẫy là nơi thiêng liêng. Hạt lúa trồng trên nương rẫy được quan niệm như sản phẩm do các thần ban phát để nuôi sống con người. Trong các thần được tôn thờ, thần lúa được coi là vị thần quan trọng tương đương với thần nước, thần núi, thần cây.

Từ quan niệm vạn vật có hai phần - phần xác và phần hồn, đồng bào cho rằng, cũng giống như mọi cây trồng khác, cây lúa có hồn trú ngụ. Hồn lúa quyết định sự sinh sôi nảy nở của cây, mang lại sinh khí, giúp cho cây tươi tốt, đâm bông, trổ hạt; nếu phần hồn rời bỏ, cây lúa sẽ bị chết. Hình dạng của hồn lúa, sinh khí sự sống của cây lúa được hóa thân vào người phụ nữ. Lý giải về điều này, có nhà khoa học cho rằng, chức năng người phụ nữ là sinh sản, duy trì nòi giống. Cây lúa cũng vậy. Do đó, người phụ nữ chính là biểu tượng thiêng liêng của hồn lúa... (Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện, 1997). Ý kiến khác lại giải thích, do nền kinh tế cơ bản của cư dân Đông Nam Á là trồng trọt, người phụ nữ đảm nhận vai trò to lớn trong việc hái lượm và trồng trọt - được trân trọng qua sự hình thành chế độ mẫu hệ; vì vậy, hình tượng hồn lúa là người phụ nữ (Trần Bình Minh, 2000, tr. 23).

Tùy theo từng tộc người mà hồn lúa được gọi với tên khác nhau: thần lúa, mẹ lúa. Trong suốt giai đoạn trồng trọt, đồng bào tổ

chức nhiều nghi lễ liên quan đến vòng đời cây lúa, thời điểm sản xuất - thu hoạch với mong ước các thần linh sẽ trợ giúp để mưa thuận gió hòa, cây trồng tươi tốt, mùa màng bội thu và đặc biệt là cúng thu giữ hồn lúa, gọi hồn lúa về nhà. Mỗi một tộc người đều có các nghi lễ nhằm giữ hồn lúa, hoặc gọi hồn lúa về khác nhau. Nhưng điểm giống nhau ở chỗ: trong các lễ cúng này, bà chủ gia đình đóng vai trò là hồn lúa, mẹ lúa hay thần lúa, chủ trì cho việc cúng hồn lúa tại nương, tra những hạt lúa đầu tiên vào hốc, làm lễ tưới nước; khi lúa chín, gặt những cụm lúa đầu tiên và những cụm lúa cuối cùng.

Với tộc người Khơ-mú, ngay từ sáng sớm, bà chủ nhà đóng vai mẹ lúa mặc váy áo truyền thống lên nương. Trong suốt quá trình tra hạt, mẹ lúa phải thực hiện các kiêng kỵ để hồn lúa có thể nhập vào mẹ lúa và sinh sôi nảy nở cho gia đình, như: ở riêng trong 3 ngày làm mẹ lúa và im như thóc; suốt năm phải kiêng ngày sấm động bởi sợ hồn lúa chết; mẹ lúa phải được mọi người tôn trọng, ai xúc phạm đến mẹ lúa thì sinh thực khí người đó sẽ bị đau, muốn khỏi phải làm lễ giải trong đó phải thờ một vật biểu tượng âm dương vào 1 cụm lúa để làm tăng thêm sức trả bù âm dương cho hồn lúa. Đến vụ trỉa lúa, trên đường từ nương về đến nhà, mẹ lúa luôn miệng hú gọi hồn lúa (*hmal ngo*): “Nương đã thu hoạch hết, thóc lúa đã đưa về bản, các hồn cũng về nhà thôi” (Hoàng Hoa Toàn, 1999, tr. 62-67).

Ở người Ba-na, thần lúa (*yàng xori*) chiếm một vị trí đặc biệt. Hồn lúa (*pongol sri*) phải được gìn giữ một cách cẩn thận trên nương rẫy và trong kho lúa thì nguồn lương thực mới luôn dồi dào và vụ mùa tươi tốt.

Người phụ nữ lớn tuổi nhất trong gia đình cũng là người tượng trưng cho hồn lúa được mọi người tôn trọng, kính cẩn. Từ quan niệm đó, người Ba-na tổ chức nhiều lễ hội liên quan đến sự sinh trưởng của cây lúa: lễ khấn trồng tria lúa (*somăh zmul ba*), lễ khấn triệu hồn lúa (*somăh kwai*), lễ ăn lúa mới (*samok*). Đồng thời, họ thực hiện nhiều kiêng cử để tránh làm phật lòng thần lúa: khi thu hoạch lúa trên rẫy phải căng dây đưa hồn lúa về kho; ở những nơi phải qua suối thì bắc cầu cho hồn lúa qua; ở những chỗ ngã ba đường phải cắm hoa lau chỉ đường cho hồn lúa về kho lúa; do quan niệm lúa có linh hồn nên phải dùng tay tuốt lúa mà không dùng vật sắc cắt lúa vì sợ lúa đau; chỉ người phụ nữ mới được lên kho lấy lúa về giã ăn hàng ngày; chỉ có người đàn bà mới biết cách chăm lo cho lúa, từ trên nương rẫy cho đến trong bếp núc nấu nướng bởi lúa là phụ nữ. Chính vì vậy, người Ba-na có quy định, người đàn ông thì cầu khấn thần sấm (*bok glaih*), còn người đàn bà thì cầu khấn thần lúa (*yàng xori*) (Trung Thị Thu Thủy, 2009).

Nếu người Ba-na làm lễ cúng hồn lúa vào tháng 7, 8, thì người Măng tổ chức lễ cúng hồn lúa (*pac nhuy*) vào tháng 10 âm lịch; mẹ lúa (*ma lăm*) là bà chủ gia đình, dậy từ sáng sớm ra nương mang hai cây taleo, một cắm ở rìa nương, một cắm giữa vựa thóc giữa nương (Hoàng Hoa Toàn, 1999). Lễ vật cúng hồn lúa là một nắm xôi nếp, đuôi cá suối nướng (hoặc thịt gà hay trứng gà luộc) được đặt vào 1 mẹt nhỏ (*cà tá*). Mẹ lúa chọn một khóm lúa có ba cây với bông chắc hạt nhất, vắn các thân lúa quấn vào nhau rồi cuộn tròn từ gốc lên ngọn khóm lúa, sau đó cắt 3 bông lúa bỏ vào mẹt, và những ngọn của bông lúa được đặt hướng về phía mặt

trời mọc. Sau đó, bà lấy hòn đá thiêng đề lên cạnh khóm lúa đã cuộn; lấy xôi, cá (hoặc thịt, trứng) khấn mời hồn lúa ăn và lẩm nhẩm đọc: “Hồn lúa nhập vào đây, ở lại đây không được đi đâu, chim bay không được bay theo, con cào cào bay không được bay theo, con cua bò đi không được bò đi nhé”. Khi gặt lúa phải gặt từ xung quanh vị trí cúng hồn lúa ra bên ngoài nương. Trong lúc gặt, mẹ lúa phải im như thóc, nếu có việc ra khỏi nương thì phải nhắc hòn đá đề lên cạnh khóm lúa. Gặt lúa tuyệt đối không được gặt hết mà phải để lại mấy khóm lúa cạnh nương bên lối đi về nhà, bởi nếu gặt hết thì hồn lúa sẽ theo về nhà và thất lạc, năm sau mùa màng sẽ thất bát (Việt Hoàng, 2012).

Theo quan niệm của tộc người Mnông, thần lúa, hồn lúa (*răng ba*) là một cô gái rất xinh đẹp nhưng ham chơi, nếu để hồn lúa mãi mê rong ruổi mãi mà không rước về thì sẽ mất mùa. Cho nên, sau khi gặt xong, người Mnông làm lễ dẫn đường cho hồn lúa về và giữ hồn ở một trái bầu to treo ở chân cầu thang kho lúa của gia chủ. Để dẫn đường cho hồn lúa, những người phụ nữ trong buôn phải se những sợi dây thừng, dây mây hoặc dây bằng bẹ chuối khô. Trên quãng đường từ nương rẫy về đến buôn, những người phụ nữ vai gùi lúa, tay nối những đoạn dây thành 1 sợi dài từ rẫy về đến tận buôn và đến chân kho thóc của từng gia đình để hồn lúa theo đó mà về. Khi rước hồn lúa về buôn họ mới tổ chức lễ cúng. Trong lễ rước hồn lúa, họ chỉ dùng đàn đá, hoặc nhạc cụ bằng tre, nứa chứ không dùng chiêng đồng, bởi cho rằng nếu đánh bằng chiêng đồng gây tiếng ồn, hồn lúa hoảng sợ bỏ đi (Ngô Đức Thịnh, 1993, tr. 120, 122).

Như vậy, ý niệm về hồn lúa ngự trong thân lúa, mẹ lúa cũng như việc tôn thờ thân lúa được ra đời từ việc nhân cách hóa cây trồng. Mỗi một tộc người đều có những nghi lễ thờ hồn lúa, mẹ lúa với những nét độc đáo riêng, tạo nên sự đa dạng trong tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp.

2. Nghi lễ theo vòng đời của cây lúa

Nghi lễ được hiểu là những hành vi của con người nhằm biểu hiện niềm tin tín ngưỡng tôn giáo của mình. Là cư dân sinh sống chủ yếu bằng nghề canh tác nương rẫy, trồng lúa nên lễ hội nông nghiệp của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me cũng theo chu kỳ sinh trưởng của cây lúa: từ khi phát rẫy tra hạt, lúa mọc, trở bông, đến khi thu hoạch. Những lễ thức mang tính tâm linh đó có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống của đồng bào. Họ tin rằng nhờ nghi lễ thành tâm của con người, nên thân lúa, mẹ lúa phù hộ cho lúa gạo, hoa màu để ăn, đồng thời che chở, mang đến sự bình an, khỏe mạnh cho gia đình, mùa màng luôn được tươi tốt. Trong các nghi lễ này, con người, cộng đồng và cây lúa là ba chủ thể không tách rời trước thần linh.

Mặc dù mỗi một tộc người có những đặc trưng riêng trong các nghi lễ, nhưng có thể thấy trong phần lễ vật để dâng cúng thần linh và phần thức ăn chế biến cho bữa cơm cộng cảm có sự phân định rạch ròi. Chỉ các con vật hiến tế mới được chóc tiết, cắt tiết để dâng cúng thần linh, còn con vật sử dụng để chế biến món ăn cho cộng đồng thì bị đập chết trước khi chế biến.

Những nghi lễ liên quan đến vòng đời cây lúa của các tộc người rất phong phú nhưng có thể chia thành 3 dạng chủ yếu:

- 1) Nghi lễ liên quan đến chọn đất, trồng lúa;
- 2) Nghi lễ liên quan đến chăm sóc lúa; và
- 3) Nghi lễ liên quan đến thu hoạch lúa.

2.1. Nghi lễ liên quan đến chọn đất, trồng lúa

2.1.1. Lễ chọn đất làm rẫy

Do tin vào một thế giới thần bí chi phối, ảnh hưởng đến cuộc sống của con người nên khi chọn đất để trồng lúa, các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me đều tuân thủ những nghi lễ và kiêng cử nhất định. Một nguyên tắc khi chọn đất là kiêng chọn những vạt đất tại các khu rừng già đầu nguồn, rừng nguyên sinh bởi quan niệm đó là nơi trú ngụ của các thần linh. Khi chọn đất, giấc mơ của nữ chủ nhà (tượng trưng cho hồn lúa) rất quan trọng, và họ căn cứ vào nội dung của giấc mơ để lấy đó làm điềm tốt hay xấu mà các thần linh đã mách bảo trước khi chọn đất. Trong thời gian chuẩn bị đất làm rẫy, toàn làng phải tuân thủ “nội bất xuất, ngoại bất nhập”, nếu người nào không tuân thủ sẽ bị phạt vạ, mức độ nặng nhẹ tùy thuộc vào tính chất của sự việc.

Trong lễ khấn đất phát rẫy, đốt rẫy của người Mnông, ngoài heo, gà, vịt, rượu cần... thì không thể thiếu được cây nêu dựng ở rẫy. Theo quan niệm của đồng bào, cây nêu sẽ là nơi trú ngụ của linh hồn thân lúa và các loại hoa màu. Bởi vậy, vào buổi sáng ngày làm rẫy, chủ nhà dựng cây nêu trên rẫy rồi lấy tiết, mật, tim, gan của vật hiến sinh bôi vào cây nêu, khấn mời thân lúa và các vị thần rừng, núi, tổ tiên, thần suối, thần rau... về ăn cơm cùng gia đình và xin các thần linh phù hộ bảo vệ cho rẫy lúa của gia đình tốt tươi, được mùa, ngăn không cho con sâu, con chuột, con sóc phá hoại rẫy lúa. Sau khi

cúng rẫy xong, chủ nhà sẽ lấy củ “*bí kì nam*” về đặt trước nhà mình. Người Mnông tin rằng thần giữ nhà của họ nằm trong loại củ này nên chỉ cần đặt trước nhà thì các thần ác như thần Krăch, thần Ndu phải tránh xa, gió bão không tràn qua rẫy, các loại thú không vào phá rẫy.

Người Ba-na trước khi bước vào mùa làm rẫy tổ chức lễ *somăh kocham* vào khoảng tháng 2-3 dương lịch. Trong lễ hội, dân làng thông báo cho các vị thần linh biết những công việc sẽ làm trong năm, khẩn cầu các vị trợ giúp để mọi việc được tốt đẹp: mưa thuận gió hòa, cây trồng lớn nhanh, tốt tươi, không gặp thiên tai sâu bệnh; con người khỏe mạnh; chăn nuôi phát triển; mùa màng bội thu. Trong đợt phát rẫy hàng năm, trước khi chặt các cây to mà họ cho là có thần ở, người Ba-na dùng meo để đuổi thần đi nơi khác bằng cách rưới máu chó vào gốc cây cho thần thấy bản thù mà bỏ cây đi nơi khác (Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đông Chi, 2011, tr. 241). Trong lễ *somăh kocham*, phần thịt của con vật hiến sinh được chia đều cho các thành viên trong làng, thể hiện sự bình đẳng.

Đối với người Mạ, trước khi bước vào mùa phát rẫy mới, cả làng tập trung tại nhà chủ làng (*châu quăng bon*) làm lễ *nhu bơ đấp* (*bơ đấp* có nghĩa là trước, đầu tiên, *nhu* là cúng - có ý là lễ đầu tiên trong chu kỳ rẫy). Sau khi cúng chung ở nhà chủ làng, người ta bẻ một nhánh cây từ khu vực chọn phát rẫy đem về cúng riêng tại nhà mình. Cúng xong, họ giắt nhánh cây đó lên bàn thờ trong nhà. Sau lễ này là lễ *nhu duh sob* (cúng thần lửa) ở trên rẫy - được làm khi rẫy đã được phát xong. Khi cúng, người ta khẩn xin thần lửa đốt cho sạch để gia đình không

phải mất công dọn lại rẫy nữa. Trong thời gian phát rẫy, đồng bào thực hiện những kiêng kỵ nhất định. Nếu đang phát rẫy mà thấy chồn nhảy từ trên cây xuống thì bỏ rẫy không phát nữa. Gặp các con trăn, khi, chim *r'su* (loại chim giống quạ nhưng đuôi dài) thì cũng phải bỏ mảnh đất đó mà đi chọn nơi khác. Không gặp trăn, chỉ gặp xác vỏ trăn cũng bỏ đi. Nếu gặp những con này ở rẫy đã có lúa lên thì phải cúng. Trong nhà có người sinh đẻ, hay có con heo, dê, trâu đẻ đều phải cũ không đi vào rừng, không đi làm rẫy (Boulbet, 1999, tr. 72, 88).

2.1.2. Lễ tra hạt

Lễ tra hạt (còn được gọi là lễ cầu mùa) của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me thường được tiến hành trước khi phát rẫy hoặc trước khi tra hạt. Điềm chung trong nghi lễ này của các tộc người là sự gửi gắm ước vọng về một vụ mùa mới bội thu và cuộc sống bình an.

Trong lễ tra hạt (còn gọi là lễ cầu mùa - *pa sum*) của người Khơ-mú, mẹ lúa mặc trang phục cổ truyền, chọn một khoảnh đất tương đối bằng phẳng trên nương để đặt mâm làm lễ cúng. Thức cúng, ngoài xôi, rượu, muối nhất thiết phải có một con gà trống luộc - loại gà có lông đen. Mẹ lúa cầu khẩn các vị thần trời, đất, nương rẫy phù hộ cho mưa thuận gió hòa, để hạt giống mau nảy mầm, lên xanh tốt, cho bông to, hạt mẩy, không bị muông thú phá hoại. Làm lễ xong, mẹ lúa chọc ba lỗ tra hạt trước, sau đó tất cả mọi người sẽ cùng tra hạt. Khi tra xong, mẹ lúa nhắc mọi người lấy nước rửa tay, rửa gậy chọc lỗ cho sạch. Sau đó, mẹ lúa cầm ống nước đi vòng quanh chòi lúa, tưới nước ra xung quanh và khẩn: “Tưới cho cây

lúa mọc, cho cây lúa nảy mầm, cho hạt chắc bông dài, gốc lúa bằng gốc lau, bông lúa dài bằng quả núc nác...” (Hoàng Hoa Toàn, 1999, tr. 51).

Lễ tra hạt của người Ba-na (còn gọi là lễ khấn trồng tría lúa - *somăh zmul ba*) được tiến hành vào ngày đầu tiên toàn làng đi trồng lúa rẫy. Mục đích lễ là thông báo cho các hồn tổ tiên của gia đình mình và các vị thần như *yàng kông* (thần núi), *yàng đak* (thần nước) biết về việc trồng tría lúa, cầu mong các vị trợ giúp để trong suốt quá trình sinh sôi, phát triển hạt lúa sẽ “Không bị thối nghẹn hồng nát, lỗ không cũng ra, lỗ tự nhiên cũng mọc, con cu đất không moi, kiến không tha đi, muốn bụi lúa ban ngày bằng bụi sả, ban đêm bằng cây đa, dùng để con sâu ăn, muốn có toàn hạt chắc mẩy, đổ đầy nhà, còn có để trút vào chái nhà...” (Đoàn Tuấn Anh, 2013, tr. 102, 135).

Ngoài các nghi lễ “Khấn đất phát rẫy”, “Cúng đốt rẫy”, “Cúng cắm rẫy”, người Mnông còn làm lễ “Cúng khi tría lúa” (*Pot ba tuch*). Ngày hôm đó, chủ nhà lên rẫy cắm một cây nêu nhỏ làm nhà cho lúa, đồng thời xếp những gùi lúa giống quanh chân cột nêu. Sau đó, họ lấy nước lã tưới vào lúa giống, lấy máu con vật tế lễ hòa với rượu, bã rượu, com nếp trộn đều với lúa giống và khấn: “Ngày hôm nay chúng tôi tría lúa, cầu cho lúa mọc đầy lỗ, lúa thu đầy kho, bông lúa to bằng cái nơm, cây lúa to bằng măng tre” (Nguyễn Quốc Lộc, 1984; Ngô Đức Thịnh, 1993). Cúng xong công việc tría lúa mới bắt đầu.

2.2. Nghi lễ liên quan đến chăm sóc lúa

Trong quan niệm của người Ba-na, từ khi tría hạt đến khi thu hoạch, phải thực hiện những kiêng kỵ đối với cây lúa, hồn lúa,

thần lúa, như: không bón phân cho lúa vì sợ làm bản đất trống, thần lúa tức giận mà bỏ đi khiến gia đình mất mùa; không dùng liềm cắt lúa vì sợ đau thần lúa; đến mùa lúa chín, chủ rẫy giăng một sợi dây từ rẫy lúa đến chòi canh để dẫn đường cho lúa về nhà, nếu khách lạ vô tình làm đứt sợi dây sẽ bị làng phạt vạ; năm sau nếu lúa mất mùa, họ còn đổ lỗi cho người khách đó; người lạ mặt không được tự ý vào kho thóc của gia chủ vì làm cho hồn lúa ngụ trong đầy sợ hãi, bỏ đi khiến cho gia đình chủ mất mùa; thậm chí không được ăn thịt con nai hay mang ở ruộng lúa vì cho rằng con người chưa thỏa mãn với thóc lúa. Trong lễ hội cầu mưa, đồng bào còn sử dụng các hành động mang tính ma thuật như dùng cành tre có trang trí đập xuống mặt nước để trêu chọc thiên lôi, ấn một con cá nhỏ vào một con cá to... Họ tin rằng với những hành động khác thường đó sẽ trêu tức để trời ban mưa xuống tưới cho lúa tốt (Trung Thị Thu Thủy, 2012, tr. 24-25).

Khi lúa đã bắt đầu lớn, người Mạ làm lễ *nhu tam xonom* ở rẫy để cầu cho lúa khỏi bị hư hại bởi thời tiết và sâu bọ phá hoại, và đồng bào còn rải nghệ, ngãi (*xonom*) vào lúa. Trong lễ này, người ta giao ước với thần rẫy rằng “lúa tôi tia rồi, thần hãy bảo đảm khu vực trồng lúa của làng, của gia đình tôi không bị mất lỗ nào, lúa phải mọc lên tốt”. Lúc cây lúa đã trở bông, đồng bào làm lễ *nhu đụnh*, cầu cho lúa chín đều hạt. Ngoài rẫy, người ta dựng một cây nêu cao đến 5 hay 6m để làm nơi trú ngụ của hồn lúa. Cây nêu được trau chuốt trang trí và cắm ở rẫy cho đến khi lúa chín đem về kho thì sẽ được đem về cắm cạnh kho lúa. Xưa kia, trong lễ cúng *nhu đụnh*, cả làng phải kiêng trong bảy ngày: không được làm gì

ngoài rẫy, không đi qua khu vực của buôn khác (Nguyễn Đình, 1983).

2.3. Nghi lễ liên quan đến thu hoạch lúa

Người Mạ và người Ba-na cư trú ở nhà sàn dài chung với nhiều thế hệ. Mỗi gia đình nhỏ sinh sống trong ngôi nhà dài đều có bếp nấu ăn riêng, số bếp tùy thuộc vào số hộ gia đình trong nhà. Các bếp được xếp thành một dãy ở giữa dọc theo chiều dài của ngôi nhà. Trước khi suốt lúa đem về kho, đồng bào dựng các kho lúa chắc chắn và cao ráo cạnh nhà ở. Mỗi kho lúa thuộc một cặp vợ chồng và những người con chưa lập gia đình hoặc còn nhỏ. Cùng trong một nhà dài, cứ vài ba bếp lửa thì lại làm một kho lúa riêng để gia đình nào thu hoạch được nhiều lúa sẽ cúng phần lễ vật cho tương xứng, làm hài lòng các thần. Ở chân của kho lúa, đồng bào dùng một thanh tre hoặc thân cây chuối làm bậc thang để hồn lúa leo vào trong kho. Sau khi lúa được thu hoạch xong, chủ nhà sẽ lật ngược cầu thang để hồn lúa ở lại trong kho mà không theo cầu thang đi ở nơi khác. Khi thu hoạch lúa, họ chọn vài bông lúa trĩu hạt nhất gặt trước rồi mang về giắt lên mái nhà; sau đó, các gia đình dùng sợi dây căng từ rẫy về kho lúa để hồn lúa theo đó mà về, nếu phải qua suối thì bắc cầu cho hồn lúa đi; nếu đến ngã ba thì dùng cành lau cắm để chỉ đường cho hồn lúa về đúng nhà.

Khi lúa trên rẫy bắt đầu chín, cũng là lúc các gia đình trong buôn làng làm lễ cơm mới. Do thời gian lúa chín khác nhau nên thời điểm mỗi tộc người tổ chức lễ cơm mới cũng khác nhau, nhưng nhìn chung thường bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 10 âm lịch. Lễ cơm mới của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me là để tỏ lòng biết

ơn các vị thần đã phù hộ cho mưa thuận gió hòa, muông thú không phá hoại để cây lúa được tươi tốt đâm bông chắc hạt và cầu xin các thần linh giúp cho mùa lúa năm sau tươi tốt hơn.

Trong lễ cơm mới, tất cả dụng cụ sản xuất có trong nhà đều được rửa sạch; sau đó, người ta bê mâm cơm, thịt, cá khấn mời những dụng cụ lao động ăn bữa tạ ơn. Dùng rượu cần và huyết gà phết vào kho lúa, bàn thờ và bếp; vừa phết vừa khấn tạ ơn các thần đã phù hộ cho gia đình có vụ lúa chắc hạt. Khấn vái xong, chủ nhà dọn cơm và thức ăn trên lá chuối tươi rồi mời bà con cùng ăn, cùng uống rượu cần.

Để chứng minh lòng thành kính với các thần linh, ngay từ khi làm rẫy, tộc người Ba-na chọn 1 miếng đất nhỏ (gọi là đất thiêng) màu mỡ để gieo giống lúa tốt nhất, dẻo ngon nhất. Trong suốt quá trình trồng trọt, chỉ bà chủ gia đình (mẹ lúa) mới được phép bước chân vào chỗ đất thiêng đó. Khi lúa chín, mẹ lúa lấy chiếc gùi do chính mình đan để thu hoạch lúa. Do quan niệm, lúa cũng có hồn nên đồng bào chỉ được dùng tay tuốt lúa chứ không dùng những vật sắc cắt làm hồn lúa đau. Kể từ khi trọt lúa cho tới lúc phơi khô, quạt sạch, giã gạo và nấu thành cơm cúng, lúa gạo phải được đặt nơi cao ráo, sạch sẽ, nếu không sẽ mất đi sự linh thiêng.

Thức ăn cúng trong lễ cơm mới có cơm, rượu cần, thịt thú rừng, thịt gà, lợn. Khi cúng, thầy cúng quỳ xuống dâng bát cơm mới lên ngang ngực, mắt hướng lên trời, mời mẹ lúa ra nhận lễ rồi khấn: “Ơ... Giàng! Giàng Lúa, Giàng Nước, Giàng Núi... Cảm ơn Giàng đã cho cây lúa già, hạt lúa nhiều, hạt lúa chắc... Giàng hãy bảo con

chuột, con chim... không được cắn lúa. Giàng hãy bảo hồn lúa đừng sợ. Giàng hãy bảo hồn lúa về với gia đình...” Sau lễ cúng, các thành viên trong gia đình cầm một cành lá nhỏ nhúng vào bát rượu rồi đi vẩy lên người nhau, lên vật rẫy, lên giàn chuồng, bếp lửa, kho lúa, cầu thang... tỏ ý chúc sức khoẻ lẫn nhau và cùng nhau hưởng những phần Giàng cho (Đoàn Anh Tuấn, 2013, tr. 122, 135).

Trong lễ ăn cơm mới của tộc người Mạ, nghi lễ cúng cốt thóc được tổ chức tại kho lúa của mỗi gia đình. Trong lễ này, đồng bào lấy máu con vật hiến sinh trộn với vỏ cây đa, củ nghệ, con mối đất rồi bôi lên vựa thóc, cửa kho, các cửa lớn, cửa sổ trong gia đình. Những người trong gia đình và khách đến tham dự cũng được bôi một chút lên ngực hoặc trán. Sau lễ cúng, mọi người ăn mừng và cùng truyền tay nhau uống rượu cần theo thứ tự già, trẻ, nữ, nam. Vừa uống, họ vừa trò chuyện, ca hát kéo dài suốt ngày đêm (Trần Bình Minh, 2000, tr. 102). Lễ ăn cơm mới kéo dài hết nhà này đến nhà khác, cho tới khi cả buôn nhà nào cũng cúng mừng ăn cơm mới xong thì lễ hội chấm dứt. Kết thúc lễ ăn cơm mới của cả buôn thì cũng là thời điểm chuẩn bị bước sang mùa sản xuất mới.

Người Mnông sau khi bày, thịt, rượu, cơm ra cúng Giàng tại rẫy, mọi người tuốt một nắm lúa rồi về bỏ vào trong bồ với hàm ý rước hồn lúa về nhà. Chủ nhà rót rượu mời cảm ơn mọi người, rồi tất cả quây quần quanh đống lửa giữa sân uống rượu cần và ăn thịt nướng. Khi đã ăn no uống say, chiêng cồng nổi lên, mọi người múa, hát cho tới sáng. Số thóc thu hoạch được chia làm 3 phần, một phần để ăn, một phần để sấm đò

đạc và một phần dành cho trâu bò và những con vật đã có công cùng người làm ra hạt lúa (Ngô Đức Thịnh, 1993, tr. 128).

3. Nhận xét

Các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me tin vào tín ngưỡng đa thần, với quan niệm vạn vật hữu linh, nên họ quan niệm vạn vật nói chung và cây lúa nói riêng có phần xác và phần hồn. Từ quan niệm đó, đã sinh ra các tín ngưỡng liên quan đến vòng đời của cây lúa. Trong cách ứng xử của đồng bào, cây lúa được coi như một linh vật có vị trí đặc biệt quan trọng, thần lúa được coi là vị thần thiêng liêng. Trong các nghi lễ, họ luôn cầu khẩn để hồn lúa ở lại với cây lúa, bởi hồn lúa giữ sinh mệnh của cây lúa, chi phối sự sinh sôi của cây lúa và cả mùa trồng trọt. Việc tạo ra các hình ảnh vật linh - sự nhân cách hóa cây lúa, hồn lúa sau này được chuyển sang người đàn bà chủ nhà của mỗi gia đình. Trước khi gieo trồng hay gặt hái, bà chủ là người gieo các hạt giống hay cấy những cây mạ đầu tiên, và cũng là người gặt những bông lúa đầu tiên và đồng thời chủ trì trong các buổi cúng tế liên quan đến vòng đời cây lúa.

Có thể nhận thấy, các nghi lễ liên quan đến vòng đời cây lúa của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me thể hiện tính cố kết cộng đồng mạnh mẽ: mọi thành viên đều tuân thủ một cách tự giác, nghiêm túc theo đúng quy tắc và quy ước của cộng đồng. Ăn sau những nghi thức, kiêng kỵ và thái độ chân thành tôn thờ các thần linh, chính là ý thức vì buôn làng, bởi họ tin rằng những hành vi lệch chuẩn sẽ có hại cho sự an nguy của cộng đồng.

Việc thực hiện các nghi lễ đánh dấu những thời điểm quan trọng trong chu kỳ

canh tác cây lúa như chọn đất làm rẫy, tria hạt, chăm sóc cây lúa khi lên đòng, gặt hái... Ngoài ý nghĩa cầu xin sự che chở của thần linh ban cho mùa màng tươi tốt, cuộc sống sung túc, thịnh vượng, nghi lễ còn hàm chứa những kiến thức bản địa về thời vụ, canh tác và trên hết là cách ứng xử với môi trường thiên nhiên chứa đầy thách thức, đe dọa tới mùa vụ và tính mạng con người. Với quan niệm để thần linh phù hộ, con người phải thực hành đúng tín ngưỡng, biết quý trọng nâng niu hạt lúa mà mình có được nhờ công sức lao động và cũng không được phép quên ơn các vị thần đã phù hộ thông qua các lễ vật mời thần linh thụ hưởng. Ngược lại, nếu con người không biết đối đãi thì bị sự trừng phạt với mức độ tùy thuộc vào hành vi, lối sống và cách ứng xử ấy. Do vậy, ứng xử với thần linh cũng là cách cư xử với cộng đồng, và bản thân mình là tấm gương răn dạy con cháu để sống phải biết nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình.

Bên cạnh những ý nghĩa tích cực đầy tính nhân văn, trong tín ngưỡng liên quan đến cây lúa của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me cũng có nhiều tập tục kiêng kỵ, hoạt động ma chú phép thuật, và cúng khó lý giải được căn nguyên, ý nghĩa của nó. Điều này, ít nhiều trói buộc con người vào các hành vi mang tính mê tín dị đoan, đòi hỏi chủ thể văn hóa và các cấp quản lý phải có thái độ và cách ứng xử thích hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Tuấn Anh (2013), *Nghi lễ nông nghiệp của người Ba-na ở tỉnh Gia Lai*, Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam.
2. Boulbet, Jean (1999), *Xử người Mạ, lãnh thổ của thần linh* (Đỗ Văn Anh dịch), Nxb Đồng Nai.
3. *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
4. Khổng Diễn (Chủ biên) (1999), *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện (1997), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Phạm Văn Dương (1999), “Những nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp của người Chu-ru”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2.
7. Bùi Minh Đạo (1983), “Vài nét về nương rẫy và ruộng khô của người Ba-na ở huyện An Khê, tỉnh Gia Lai - Kon Tum”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3.
8. Bùi Minh Đạo (Chủ biên), Vũ Thị Hồng (2003), *Dân tộc Cơ ho ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Bế Viết Đăng và các cộng sự (1982), *Đại cương về các dân tộc Ê đê, Mnông ở Đắk Lắk*, Nxb Khoa học xã hội.
10. Nguyễn Đình (1983), *Vài nét về văn hóa tinh thần của người Mạ*, trên trang <http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/book/Pages/books/DTLD/vanhua.htm> (truy cập ngày 22/02/2014).
11. Việt Hoàng (2012), *Lễ cúng hồn lúa của người Mảng*, trên trang http://baotintuc.vn/dan-toc/le-cung-hon-lua-cua-nguoi-mang_20121115095304041.htm (truy cập ngày 15/02/2014).
12. Nguyễn Xuân Hồng (1998), *Hôn nhân gia đình, ma chay của người Tà ôi, Cơ tu, Bru - Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa thiên Huế*, Sở Văn hóa thông tin Quảng Trị.

13. Bùi Thị Bích Lan (2012), *Hoạt động mưu sinh của người Kháng ở xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Nhân học văn hóa.

14. Nguyễn Quốc Lộc (Chủ biên) (1984), *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

15. Trần Bình Minh (2000), *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á*, Hà Nội.

16. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (1993), *Văn hóa dân gian Mnông*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

17. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Trung Thị Thu Thủy (2009), *Quan niệm về thần linh của người Ba-na*, trên trang <http://cema.gov.vn/modules.php?mid=6773&name=Content&op=details#ixzz2k8MIeeRu> (truy cập ngày 23/02/2014).

19. Hoàng Hoa Toàn (1999), “Nghĩ lễ, tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp trong tộc người miền núi phía Bắc”, trong: *Thông báo khoa học của trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên*.

20. Hoàng Sơn (Chủ biên) (2007), *Người Mảng ở Chấn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*, Nxb Văn hóa dân tộc.

21. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội.



Nhổ mạ và cấy lúa ở người Kháng
(xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La)

Ảnh: Đăng Khoa